TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2023/DS-PT
Ngày: 26-5-2023
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhiên**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Quang Tấn**

Ông **Trần Bình Đảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Văn Đương** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023, về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi"*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn*:**

Bà **Trương Kim Tr**, sinh năm 1968; Có mặt

Địa chỉ: Ấp Ruộng S 1, xã Vĩnh Ph, huyện Vĩnh Th, tỉnh Kiên Giang.

2.Bị đơn: Bà **Lê Thị Q (Q),** sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Khu phố Vĩnh Ph 1, thị trấn Vĩnh Th, huyện Vĩnh Th, tỉnh Kiên Giang

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông **Phạm Công Ng (K),** sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Khu phố Vĩnh Ph 1, thị trấn Vĩnh Th, huyện Vĩnh Th, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà **Lê Thị Q.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2022; đơn khởi kiện bổ sung không đề thời gian và đơn đề ngày 30/11/2022; biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2022; biên bản hòa giải ngày 15/12/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trương Kim Tr trình bày:**

Bà có làm chủ dây hụi áp ngày 25/11/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi mở hàng tháng vào ngày 25, hụi có 32 phần, hụi có lãi và có hoa hồng (mỗi lần lĩnh hụi 500.000 đồng), bà Q tham gia 01 phần, góp hụi sống được 02 lần, đến lần thứ 03 thì bỏ hụi với giá 400.000 đồng nên lĩnh được số tiền 19.400.000 đồng, trừ tiền cò 500.000 đồng còn lại 18.900.000 đồng. Do trước đó bà Q có mượn của bà 2.000.000 đồng nên trừ lại thì số tiền giao cho bà Q nhận thực tế là 16.900.000 đồng (nhận tiền ngày 07/02/2020 và bà Q có ký, ghi họ tên vào giấy hụi).

Sau khi lĩnh hụi thì bà Q có đóng cho bà được 12 lần hụi chết, còn nợ lại 17 lần hụi chết đến nay Q chưa trả cho bà. Dây hụi này hiện đã mãn vào ngày 07 tháng 9 năm 2022 âm lịch.

Tại phiên hòa giải chồng bà Lê Thị Q là ông Phạm Công Ng đã xác định, ông có biết tham gia việc góp hụi, lĩnh hụi giữa bà và bà Q. Đồng thời, số tiền lĩnh hụi được ông Ng cùng bà Q chi xài chung trong gia đình nên nay bà yêu cầu bà Lê Thị Q cùng chồng là ông Phạm Công Ng phải trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 17.000.000 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn bà Lê Thị Q trình bày:**

Bà có tham gia dây hụi áp vào ngày 25/11/2019 âm lịch, do bà Trương Kim Tr làm chủ, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi mở hàng tháng vào ngày 25, hụi có 32 phần, hụi có lãi và có hoa hồng (mỗi lần lĩnh hụi 500.000 đồng). Bà tham gia 01 phần, góp hụi sống được 15 lần, đến lần thứ 16 thì bỏ hụi với giá 400.000 đồng nên lĩnh được số tiền 19.400.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng còn lại 18.900.000 đồng. Do trước đó bà có mượn của bà Tr 2.000.000 đồng nên trừ lại thì số tiền bà còn nhận thực tế là 16.900.000 đồng (nhận tiền ngày 07/02/2020 và bà có ký, ghi họ tên vào giấy hụi). Tờ giấy ghi hụi 1.000 ngày 25 Tòa án cho bà xem, chữ ký tên Q và ghi họ tên Lê Thị Q đúng là của bà tự ký và viết ra.

Tại thời điểm tham gia góp hụi cũng như lĩnh hụi thì bà đã có chồng tên Phạm Công Ng, sinh năm 1984, địa chỉ: khu phố Vĩnh Ph 1, thị trấn Vĩnh Th, huyện Vĩnh Th, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình thanh gia góp hụi thì ông Ng có biết và có đưa tiền cho bà góp hụi sống, hụi chết cho bà Tr. Số tiền hụi lĩnh được bà có mang về nhà sử dụng chung trong gia đình.

Sau khi lĩnh hụi, bà đã góp hụi chết đầy đủ cho bà Tr tổng cộng 16 lần nên bà không còn nợ hụi của bà Tr đồng nào, dây hụi này hiện nay đã mãn.

Quá trình góp hụi chết được 16 lần cho bà Tr thì không có ai chứng kiến, bà Tr cũng không viết biên nhận hay giấy tờ gì cho bà, ngoài ra bà cũng không có giấy tờ, chứng cứ nào khác.

Nay bà không đồng ý theo yêu cầu của Ng đơn.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 15/12/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Công Ng trình bày:**

Khi bà Q tham gia hụi do bà Tr làm chủ thì vợ chồng ông đã sống chung với nhau, ông có đưa tiền cho bà Q đóng hịu sống và hụi chết cho bà Tr. Số tiền hụi lĩnh được thì bà Q có mang về nhà và vợ chồng cùng sử dụng chung trong gia đình. Nay ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà Lê Thị Q nêu trên. Do vợ chồng đã góp hụi chết đầy đủ cho bà Tr xong nên nay theo yêu cầu của bà Tr nêu ra thì ông không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 103, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc bị đơn bà Lê Thị Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Công Ng phải trả cho nguyên đơn bà Trương Kim Tr **17.000.000đ** (Mười bảy triệu đồng) tiền hụi còn thiếu.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trương Kim Tr, nếu bà Lê Thị Q và ông Phạm Công Ng không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà Tr thì hàng tháng bà Q, ông Ng còn phải trả tiền lãi cho bà Tr theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật .

Ngày 11/01/2023, bị đơn bà Lê Thị Q có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Tuyên từ chối toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là bà Trương Kim Tr.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn bà Trương Kim Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn bà Lê Thị Q giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Q về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Trương Kim Tr khởi kiện bà Lê Thị Q (Q) và chồng là ông Phạm Công Ng (K) trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 17.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Công Ng không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và ông, bà cho rằng ông, bà đã đóng hụi đầy đủ cho bà Tr tính đến nay ông, bà không còn thiếu nợ hụi của bà Tr nữa.

[3] Xét nội dung đơn kháng cáo của Q: Bị đơn bà Lê Thị Q, yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Tuyên từ chối toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là bà Trương Kim Tr. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn bà Trương Kim Tr với bị đơn bà Lê Thị Q có xác lập hợp đồng dân sự góp hụi với nhau, cụ thể: Dây hụi mở ngày 25/11/2019 âm lịch, do bà Trương Kim Tr làm chủ, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi mở hàng tháng vào ngày 25, hụi có 32 phần, hụi có lãi và có hoa hồng, bà Q tham gia 01 phần và đã lĩnh hụi ở lần mở hụi thứ ba, hốt hụi được 16.900.000 đồng khi hốt hụi bà Tr có giao tiền cho bà Q nhận vào ngày 07/02/2020 số tiền 16.900.000 đồng có bà Q ký, ghi họ tên trong dây hụi (bút lục 36).

Theo bà Nguyễn Thị C xác định: Bà C cùng tham gia chung dây dụi với bà Q do bà Tr làm chủ, hụi áp ngày 25/11/2019, loại hụi 1.000.000 đồng, xổ vào ngày 25 hàng tháng, có 32 phần hụi, có hoa hồng là 500.000 đồng, bà C tham gia 01phần. Bà C góp hụi sống cho bà Tr xong, dây hụi này đã mãn vào tháng 9 năm 2022 âm lịch. Trong dây hụi này có bà Q tham gia 01 phần và đã lĩnh hụi trước bà C, (bút lục 32).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2022 bà Q thừa nhận có tham gia 01 phần hụi 1.000.000 đồng do bà Tr làm chủ, góp hụi sống 02 lần, đến lần thứ 03 bỏ hụi 400.000 đồng nên lĩnh hụi được số tiền là 19.400.000 đồng, trừ tiền cò 500.000 đồng còn lại 18.900.000 đồng, trước đó bà Q có mượn của bà Tr 2.000.000 đồng nên bà Tr chỉ giao cho bà Q số tiền là 16.900.000 đồng (bút lục 34).

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Q cho rằng có tham gia 01 phần hụi 1.000.000 đồng do bà Tr làm chủ, góp hụi sông 15 lần, đến lần thứ 16 bỏ hụi 400.000 đồng nên lĩnh hụi được số tiền là 19.400.000 đồng, trừ tiền cò 500.000 đồng còn lại 18.900.000 đồng. Như vậy xét thấy lời trình bày của bà Q tại phiên tòa phúc thẩm có mâu thuẫn và không thống nhất với biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2022.

Theo ông Phạm Công Ng cũng xác định: Ông Ng là chồng của bà Q có biết bà Q tham gia hụi do bà Tr làm chủ, ông có đưa tiền cho bà Q góp hụi sống, hụi chết cho bà Tr, số tiền hụi lĩnh được bà Q có mang về sử dụng chung trong gia đình (bút lục 58).

Như vậy, bà Q, ông Ng tham gia dây hụi 1.000.000 đồng vào ngày 25/5/2019 âm lịch do bà Tr làm chủ hụi là có thật được bà Q, ông Ng và bà Cưng thừa nhận, sau khi áp hụi đến lần thứ 03 vào ngày 07/02/2020 âm lịch thì bà Q đã hốt hụi được 16.900.000 đồng và có ký ghi họ tên vào giấy nhận tiền . Bà Q, ông Ng cho rằng đã đóng hụi chết cho bà Tr đầy đủ, hiện nay không còn nợ tiền hụi của bà Tr nhưng bà Q, ông Ng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh ông, bà đã đóng hụi chết cho bà Tr đầy đủ, trong khi đó bà Tr không thừa nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Ông Phạm Công Ng xác định và thừa nhận, quá trình tham gia góp hụi, lĩnh hụi giữa vợ ông là bà Q với bà Tr thì ông đều biết. Bản thân ông có đưa tiền cho bà Q để góp hụi sống, hụi chết và số tiền nhận được từ việc lĩnh hụi vợ chồng sử dụng chung trong gia đình. Vì vậy, ông Phạm Công Ng phải cùng có trách nhiệm với bà Lê Thị Q trả nợ cho bà Tr là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 103 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trương Kim Tr buộc bị đơn bà Lê Thị Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Công Ng phải trả cho nguyên đơn bà Trương Kim Tr số tiền hụi còn thiếu là 17.000.000 đồng. Vì đây là nghĩa vụ của thành viên góp hụi đối với chủ hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Do đo, cấp sơ thẩm buộc bà Q và ông Ng phải trả cho bà Tr số tiền hụi còn thiếu 17.000.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số

01/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sư sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Lê Thị Q (Q) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Công Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- Nguyên đơn bà Trương Kim Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho bà Trương Kim Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003979 ngày 01 tháng 11 năm 2022 và biên lai thu số 0002618 ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Q không được chấp nhận nên bà Lê Thị Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo lai thu số 0002678 ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hnah2 án dân sự huyện Vĩnh Thuân, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Q (Q).

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 103, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Kim Tr.

2. Buộc bị đơn bà Lê Thị Q (Q) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Công Ng phải trả cho Ng đơn bà Trương Kim Tr số tiền hụi còn thiếu là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nêu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2025 tương ứng với thờ gian chậm thi hành án.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sư sơ thẩm:

4.1.1. Buộc bị đơn bà Lê Thị Q (Q) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Công Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng).

4.1.2. Nguyên đơn bà Trương Kim Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho bà Trương Kim Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003979 ngày 01 tháng 11 năm 2022 và biên lai thu số 0002618 ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lê Thị Q (Q) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo lai thu số 0002678 ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuân, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Vĩnh Thuận;
- THA dân sự huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhiên